

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 214/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 26 tháng 10 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đề án phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh
giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị định số 62/2011/NĐ-CP ngày 26/7/2011 của Chính phủ về thành lập thành phố thuộc tỉnh, thị xã, quận, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 42/2009/NĐ-CP của Chính phủ về việc phân loại đô thị;

Căn cứ Quyết định số 2052/QĐ-TTg ngày 10/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 28/6/2011 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ tư Khoá XVIII về phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2011/NQ-HĐND ngày 22/7/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 818/TTr-SXD ngày 15/9/2011 về việc xin phê duyệt Đề án phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020, gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Mục tiêu phát triển đô thị :

1. Mục tiêu tổng quát:

Từng bước xây dựng hoàn chỉnh hệ thống đô thị có kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ, có kinh tế - xã hội phát triển, môi trường đô thị trong sạch và bền vững; bảo

đảm cho mỗi đô thị theo vị trí và chức năng, phát huy đầy đủ thế mạnh, thật sự là động lực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh nhà.

2. Mục tiêu cụ thể trong giai đoạn 2011-2015:

2.1. Về kinh tế:

- Phân đấu nhịp độ tăng trưởng kinh tế đối với khu vực các đô thị bình quân hàng năm đạt 15% - 17%; riêng thành phố Quảng Ngãi và Khu kinh tế Dung Quất đạt 18% - 20%.

- Thu ngân sách trên địa bàn các đô thị (kể cả khu kinh tế, khu công nghiệp) chiếm tỉ lệ 90% tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh.

- Cơ cấu kinh tế đô thị chuyển dịch theo hướng tăng tỉ trọng dịch vụ, công nghiệp, giảm tỉ trọng nông nghiệp.

2.2. Về phát triển đô thị và kết cấu hạ tầng :

- Tỉ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đến năm 2015 đạt 20%.

- Phát triển mở rộng đô thị gắn kết với vùng phụ cận; các khu đô thị cũ được cải tạo, chỉnh trang; các khu đô thị mới được xây dựng hiện đại, văn minh. Kiến trúc đô thị có bản sắc riêng của vùng.

- Hệ thống các công trình hạ tầng đô thị được đầu tư xây dựng đồng bộ theo hướng hiện đại, thân thiện với môi trường. Mạng lưới kết cấu hạ tầng của đô thị đạt các tiêu chí tương ứng với cấp đô thị theo quy định.

2.3. Về xã hội:

- Mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng toàn diện các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, thể thao tại các đô thị, đảm bảo đáp ứng nhu cầu của xã hội.

- Giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của địa phương.

- Nâng cao trình độ lực lượng lao động trong đô thị, giải quyết thêm nhiều việc làm cho người lao động.

- Giảm tỉ lệ hộ nghèo (theo tiêu chí mới) bình quân tại các đô thị xuống dưới 6% vào năm 2015.

- Nâng cao nếp sống văn minh đô thị, người dân đô thị được sống trong môi trường trong lành, thân thiện, có văn hóa.

2.4. Về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội:

- Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội. Có 90% xã, phường, thị trấn đạt danh hiệu vững mạnh về quốc phòng, an ninh, trong đó vững mạnh toàn diện đạt 50% vào năm 2015.

II. Định hướng phát triển:

1. Đô thị trung tâm cấp vùng:

1.1. Thành phố Quảng Ngãi:

Giữ vai trò là thành phố tỉnh lỵ, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội

của tỉnh Quảng Ngãi; là một trong những trung tâm kinh tế của khu vực miền Trung, có vai trò quan trọng trong quá trình phát triển Khu kinh tế Dung Quất.

+ Giai đoạn 2011-2015: mở rộng không gian đô thị, tổng diện tích tự nhiên của thành phố dự kiến khoảng 14.200ha - bao gồm:

- Khu vực thành phố hiện hữu (gồm 8 phường và 2 xã);

- Khu vực mở rộng về phía Đông và phía Bắc (bao gồm các xã Tịnh An, Tịnh Ấn Đông, Tịnh Ấn Tây, thị trấn Sơn Tịnh, Tịnh Long, Tịnh Châu, Tịnh Thiện, Tịnh Khê, Tịnh Kỳ thuộc huyện Sơn Tịnh và các xã Nghĩa Hà, Nghĩa Phú, Nghĩa An thuộc huyện Tư Nghĩa).

Hoàn thành việc mở rộng địa giới hành chính chậm nhất cuối năm 2012. Đến năm 2015, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 3.400ha, tỉ lệ đô thị hóa đạt 63% - 65%, đạt tiêu chuẩn đô thị loại II (đối với khu vực thành phố hiện có), quy mô dân số đô thị khoảng 190.000 người, có cơ cấu kinh tế là dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp.

+ Đến năm 2020: diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 3.950ha, quy mô dân số đô thị khoảng 219.300 người; hoàn thiện đầy đủ các tiêu chuẩn của đô thị loại II (đối với khu vực thành phố mở rộng).

1.2. Xây dựng Khu kinh tế Dung Quất trở thành thành phố trực thuộc tỉnh:

a) Định hướng phát triển chung:

- Là khu kinh tế tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực; trong đó trọng tâm là phát triển công nghiệp lọc hóa dầu, hóa chất và công nghiệp nặng với các ngành chủ đạo: luyện - cán thép, cơ khí, đóng và sửa chữa tàu biển và các ngành công nghiệp khác gắn với việc khai thác cảng nước sâu, hướng tới trở thành thành phố trực thuộc tỉnh.

- Là một trong những trung tâm đô thị - công nghiệp - dịch vụ cảng của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, với các đô thị Vạn Tường, Dốc Sỏi và một số đô thị vệ tinh khác.

- Là một trong những đầu mối về giao thông vận tải, trao đổi hàng hóa và giao lưu quốc tế quan trọng khu vực miền Trung và Tây nguyên.

- Có vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh của quốc gia.

+ Giai đoạn 2011-2015 :

Quy hoạch xây dựng thành phố Dung Quất trực thuộc tỉnh; mở rộng không gian khu kinh tế, bao gồm toàn bộ diện tích các xã Bình Đông, Bình Thạnh, Bình Chánh, Bình Thuận, Bình Trị, Bình Hải, Bình Phước, Bình Hòa, Bình Phú, Bình Dương, Bình Thanh Đông, Bình Thanh Tây, Bình Tân, Bình Châu, Bình Thới, một phần diện tích các xã Bình Nguyên, Bình Long, Bình Hiệp, Bình Trung thuộc huyện Bình Sơn; toàn bộ diện tích các xã Tịnh Phong, Tịnh Hòa và một phần xã Tịnh Thọ thuộc huyện Sơn Tịnh; khu vực mặt biển liền kề. Tổng diện tích tự nhiên khoảng 42.000ha, diện tích đất xây dựng khoảng 16.500ha (trong đó đất xây dựng đô thị khoảng 1.000ha).

Đến năm 2015, tỉ lệ đô thị hóa đạt 40% - 43%, quy mô dân số khoảng 315.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 110.000 người, có cơ cấu kinh tế là công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp.

+ Đến năm 2020 :

Diện tích đất xây dựng khoảng 18.450ha (trong đó đất xây dựng đô thị khoảng 1.950ha), quy mô dân số khu kinh tế khoảng 415.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 160.000 người. Tỉ lệ đô thị hóa đạt 55% - 60%.

b) Các đô thị thuộc Khu kinh tế Dung Quất:

+ Đô thị Vạn Tường: giai đoạn 2011-2015, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 650ha, quy mô dân số khoảng 80.000 người. Tập trung đầu tư xây dựng phát triển các khu chức năng quan trọng trong đô thị theo tiêu chuẩn đô thị loại IV. Đến năm 2020, tổng diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 1.500ha, quy mô dân số khoảng 120.000 người, đạt tiêu chuẩn của đô thị loại IV và là đô thị trung tâm của Khu kinh tế Dung Quất.

+ Đô thị Dốc Sỏi: giai đoạn 2011-2015, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 150ha, quy mô dân số khoảng 15.000 người. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, đạt một số tiêu chí cơ bản của đô thị loại V. Đến năm 2020, tổng diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 200ha, quy mô dân số khoảng 20.000 người, đạt tiêu chuẩn của đô thị loại V.

+ Các điểm đô thị vệ tinh khác (Bình Long, Sa Kỳ, Tịnh Phong...): giai đoạn 2011-2015, tổng diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 200ha, quy mô dân số khoảng 15.000 người. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng theo tiêu chuẩn của đô thị loại V. Đến năm 2020, tổng diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 250ha, quy mô dân số khoảng 20.000 người, đạt tiêu chuẩn của đô thị loại V.

2. Đô thị trung tâm cấp tỉnh:

2.1. Đô thị Đức Phổ :

a) Định hướng phát triển chung:

Xây dựng thị trấn Đức Phổ đạt các tiêu chí của đô thị loại IV, cùng với các đô thị mới: Trà Câu, Sa Huỳnh, Phổ Phong làm hạt nhân để đưa huyện Đức Phổ trở thành thị xã trực thuộc tỉnh trước năm 2015 và giữ vai trò là trung tâm kinh tế, văn hóa - xã hội vùng phía Nam tỉnh; tổng diện tích tự nhiên 36.276ha, có cơ cấu kinh tế là dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp.

+ Giai đoạn 2011-2015: tổng diện tích đất xây dựng đô thị (bao gồm cả thị trấn Đức Phổ và các đô thị Trà Câu, Sa Huỳnh, Phổ Phong) khoảng 770ha, quy mô dân số khoảng 150.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 54.000 người.

+ Đến năm 2020: tổng diện tích đất xây dựng đô thị (bao gồm cả thị trấn Đức Phổ và các đô thị Trà Câu, Sa Huỳnh, Phổ Phong) khoảng 1.200ha, quy mô dân số khoảng 165.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 70.000 người.

b) Các đô thị trực thuộc:

+ Thị trấn Đức Phổ: Giai đoạn 2011-2015, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 600ha, quy mô dân số khoảng 40.000 người; đến năm 2015, đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV. Đến năm 2020, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 900ha, quy mô dân số khoảng 50.000 người, hoàn thiện đầy đủ các tiêu chuẩn của đô thị loại IV.

+ Đô thị Trà Câu: là đô thị mới, hình thành, phát triển trên cơ sở xã Phổ Văn và xã Phổ Thuận hiện trạng; được đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng theo tiêu chuẩn của đô thị loại V. Giai đoạn 2011-2015, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 70ha, quy mô dân số khoảng 5.000 người. Đến năm 2020, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 100-120ha, quy mô dân số khoảng 7.000 người.

+ Đô thị Sa Huỳnh: là đô thị mới, hình thành, phát triển trên cơ sở xã Phổ Thạnh hiện trạng; được đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng theo tiêu chuẩn của đô thị loại V. Giai đoạn 2011-2015, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 60ha, quy mô dân số khoảng 6.000 người. Đến năm 2020, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 80-100ha, quy mô dân số khoảng 8.000 - 10.000 người.

+ Đô thị Phổ Phong: là đô thị mới, hình thành, phát triển trên cơ sở xã Phổ Phong hiện trạng; được đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng theo tiêu chuẩn của đô thị loại V. Giai đoạn 2011-2015, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 30ha, quy mô dân số khoảng 3.000 người. Đến năm 2020, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 80ha, quy mô dân số khoảng 5.000 người.

2.2. Thị trấn Di Lăng (huyện Sơn Hà):

Xây dựng thị trấn Di Lăng trở thành trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của huyện Sơn Hà; đồng thời là trung tâm kinh tế, văn hóa - xã hội vùng phía Tây tỉnh. Giai đoạn 2011-2015, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 190ha, quy mô dân số khoảng 10.000 người, tập trung đầu tư đạt tiêu chuẩn đô thị loại V, có cơ cấu kinh tế là dịch vụ - nông nghiệp - công nghiệp. Đến năm 2020, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 240ha, quy mô dân số khoảng 11.000 người, đạt một số tiêu chí cơ bản của đô thị loại IV.

3. Đô thị trung tâm cấp huyện:

3.1 Thị trấn, trung tâm huyện lỵ của các huyện: Tư Nghĩa, Mộ Đức, Nghĩa Hành, Ba Tơ, Trà Bồng, Sơn Tây, Tây Trà, Minh Long, Lý Sơn giữ vai trò là các trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của các huyện. Các đô thị này được quy hoạch, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đô thị, hoàn chỉnh các tiêu chí của đô thị loại V chậm nhất vào năm 2015. Riêng đối với các trung tâm huyện lỵ Sơn Tây, Tây Trà, Minh Long, Lý Sơn: phấn đấu đạt các tiêu chí của đô thị loại V để trở thành thị trấn trước năm 2015.

3.2 Đô thị Châu Ô: giữ vai trò là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của huyện Bình Sơn. Giai đoạn 2011-2015, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 200ha; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, đạt một số chỉ tiêu cơ bản của đô thị loại IV; quy mô dân số khoảng 15.000 người, có cơ cấu kinh tế là dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp. Đến năm 2020, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 250ha, quy mô dân số khoảng 20.000 người, đạt tiêu chuẩn của đô thị loại IV.

3.3 Xây dựng thị trấn Sông Vệ (huyện Tư Nghĩa) trở thành trung tâm kinh tế,

văn hóa - xã hội phía Nam huyện Tư Nghĩa. Giai đoạn 2011-2015, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 80ha, quy mô dân số khoảng 9.000 người; tập trung đầu tư đạt tiêu chuẩn đô thị loại V, có cơ cấu kinh tế là dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp. Đến năm 2020, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 120ha, quy mô dân số khoảng 11.000 người, hoàn thiện đầy đủ các tiêu chuẩn của đô thị loại V.

3.4 Xây dựng Trung tâm huyện lỵ mới của huyện Sơn Tịnh (hoàn thành việc xác định địa giới hành chính chậm nhất cuối năm 2012). Đây là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của huyện Sơn Tịnh, thay cho thị trấn cũ sáp nhập vào thành phố Quảng Ngãi. Khu trung tâm huyện lỵ mới bố trí tại vị trí thuận lợi, trên cơ sở tận dụng tối đa các lợi thế về giao thông, địa hình cảnh quan tự nhiên và hạ tầng hiện trạng. Giai đoạn 2011-2015, hình thành không gian đô thị, tổng diện tích tự nhiên khoảng 1.900ha, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 80ha, quy mô dân số khoảng 6.000 người; tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ, đạt một số tiêu chí cơ bản của đô thị loại V để trở thành thị trấn vào năm 2015. Đến năm 2020, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 120-150ha, quy mô dân số khoảng 8.000 - 10.000 người; hoàn thiện đầy đủ các tiêu chuẩn của đô thị loại V.

4. Các đô thị mới trực thuộc huyện:

4.1. Đô thị mới Thạch Trụ (huyện Mộ Đức):

Giai đoạn 2011-2015, hình thành không gian đô thị, tổng diện tích tự nhiên khoảng 700ha, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 50ha, quy mô dân số khoảng 4.000 người; tập trung đầu tư đạt tiêu chuẩn cơ bản của đô thị loại V, phát triển đô thị này thành thị trấn mới của huyện Mộ Đức trên cơ sở xã Đức Lĩnh hiện trạng.

Đến năm 2020, dự kiến diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 80-100ha, quy mô dân số khoảng 8.000-9.000 người, hoàn thiện đầy đủ các tiêu chuẩn của đô thị loại V.

4.2. Đô thị mới Nam Sông Vệ (huyện Mộ Đức):

Hình thành và phát triển đô thị mới Nam Sông Vệ (huyện Mộ Đức) trên cơ sở xã Đức Nhuận hiện trạng. Giai đoạn 2011-2015, hình thành không gian đô thị, tổng diện tích tự nhiên khoảng 600ha, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 50ha, quy mô dân số khoảng 4.000 người; tập trung đầu tư đạt một số tiêu chuẩn cơ bản của đô thị loại V.

Đến năm 2020, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 70-80ha, quy mô dân số khoảng 6.000 người; đạt tiêu chuẩn của đô thị loại V và trở thành thị trấn.

4.3. Đô thị mới Ba Vì (huyện Ba Tơ):

Hình thành và phát triển đô thị mới Ba Vì (huyện Ba Tơ) trên cơ sở xã Ba Vì hiện trạng. Giai đoạn 2011-2015, hình thành không gian đô thị, tổng diện tích tự nhiên 4.294ha, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 60ha, quy mô dân số khoảng 5.000 người; tập trung đầu tư đạt một số tiêu chuẩn cơ bản của đô thị loại V.

Đến năm 2020, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 80-100ha, quy mô dân số khoảng 7.000 người; đạt tiêu chuẩn của đô thị loại V và trở thành thị trấn.

III. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

1. Các nhiệm vụ chủ yếu:

1.1. Thực hiện tốt công tác quy hoạch, quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch.

- Hoàn thành quy hoạch vùng của tỉnh; tổ chức lập quy hoạch đối với tất cả các đô thị mới chưa có quy hoạch, làm cơ sở pháp lý để quản lý, đầu tư xây dựng và phát triển đô thị.

- Kiểm tra, rà soát lại tất cả các đồ án quy hoạch đô thị đã thực hiện; thống kê các vấn đề bất cập, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện; từ đó đề xuất giải pháp điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

- Tổ chức lập và khớp nối quy hoạch chi tiết trung tâm các đô thị đến tỉ lệ 1/500, đặc biệt là các khu chức năng quan trọng của đô thị, nhằm phục vụ quản lý có hiệu quả, nhất là việc phát triển không gian cảnh quan đô thị.

- Đẩy mạnh công tác thiết kế đô thị và quản lý kiến trúc các trục cảnh quan, đường phố chính trong đô thị nhằm mục tiêu tạo được phong cách và bộ mặt kiến trúc đặc trưng cho đô thị.

1.2. Tập trung đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng các đô thị, ưu tiên đầu tư các đô thị trung tâm cấp vùng và cấp tỉnh.

- Chú trọng đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, vệ sinh môi trường...), nhất là các công trình hạ tầng kỹ thuật trọng điểm của đô thị; phát triển kết hợp chỉnh trang, nâng cấp hạ tầng xã hội (nhà ở, công trình công cộng, công viên, cây xanh...) góp phần hoàn thiện không gian cảnh quan đô thị; chú ý xây dựng kết cấu hạ tầng văn hóa, thể thao, y tế, giáo dục và đào tạo... tương ứng với quy mô dân số từng đô thị.

- Kết hợp đầu tư xây dựng mới với chỉnh trang, nâng cấp, duy tu bảo dưỡng và sử dụng có hiệu quả hệ thống kết cấu hạ tầng hiện có. Phân đầu hoàn thành các tiêu chí về cấp đô thị theo định hướng phát triển từng loại đô thị để phát huy vai trò hạt nhân của từng đô thị, tạo sức lan tỏa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tập trung nguồn lực đầu tư phát triển 02 đô thị trung tâm cấp vùng: thành phố Quảng Ngãi, đô thị Dung Quất và 02 đô thị trung tâm cấp tỉnh: đô thị Đức Phổ, thị trấn Di Lăng (huyện Sơn Hà).

1.3. Phát triển mạnh các ngành kinh tế, nhất là dịch vụ, công nghiệp, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng tích cực, bảo đảm môi trường đô thị trong sạch và bền vững.

- Ưu tiên phát triển các loại hình thương mại, dịch vụ, du lịch phù hợp với tiềm năng, nguồn lực của các đô thị; chú trọng phát triển các loại hình dịch vụ tạo giá trị gia tăng cao. Tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết số 15/2011/NQ-HĐND ngày 27/7/2011 Hội đồng nhân dân tỉnh về đẩy mạnh phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020 để tạo điều kiện thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động trong đô thị.

- Vận dụng tối đa các cơ chế, chính sách ưu đãi hiện hành để kêu gọi, thu hút đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, góp phần tăng nguồn thu ngân sách.

- Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với giải quyết tốt vấn đề nông dân và xây dựng nông thôn mới.

- Bên cạnh việc thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, cần đẩy mạnh phát

triển các loại hình đào tạo và cung ứng lao động đáp ứng yêu cầu phục vụ phát triển kinh tế tại các đô thị.

- Di dời các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu trung tâm của các đô thị; tập trung các cơ sở này vào các khu, cụm công nghiệp nhằm tạo điều kiện xử lý ô nhiễm môi trường triệt để.

1.4. Tập trung phát triển văn hóa - xã hội, xây dựng nếp sống văn minh đô thị.

- Xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, nếp sống văn minh trong các đô thị. Nâng cao ý thức chấp hành pháp luật và trách nhiệm công dân trong việc xây dựng, bảo vệ và góp phần quản lý, phát triển đô thị. Chú trọng giải quyết tốt hơn các vấn đề về việc làm, nhà ở, giảm nghèo, về bảo vệ môi trường, sinh thái đô thị. Bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hoá, lịch sử và giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của địa phương.

- Củng cố, đầu tư xây dựng các cơ sở giáo dục, y tế, thể dục thể thao, các công trình và thiết chế văn hóa trong từng đô thị nhằm bảo đảm nhu cầu học tập, chăm sóc sức khỏe, vui chơi giải trí cho nhân dân.

- Chú trọng phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân; phát triển thể thao thành tích cao.

1.5. Tiếp tục nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đô thị

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư thông thoáng để thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài vào đầu tư phát triển đô thị.

- Tổ chức hướng dẫn, thực hiện tốt hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý đô thị. Ban hành quy chế quản lý kiến trúc đô thị; quy định phân cấp quản lý đô thị. Tiếp tục đẩy mạnh việc phân cấp cho chính quyền đô thị về công tác quản lý phát triển đô thị, nhất là trong xây dựng và quản lý kết cấu hạ tầng đô thị.

- Từng bước hoàn thiện và nâng cao năng lực của bộ máy quản lý đô thị. Tăng cường công tác thanh tra chuyên ngành xây dựng tại các đô thị; quản lý các hoạt động văn hóa, du lịch... theo quy định của pháp luật.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân tham gia vào quá trình quy hoạch, xây dựng và quản lý đô thị; tuyên truyền, nâng cao ý thức của người dân đối với việc thực hiện quy hoạch và quản lý đô thị, coi đây là trách nhiệm chung của mỗi người và cả cộng đồng.

1.6. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội trong các đô thị.

Phát triển đô thị phải gắn liền với quy hoạch xây dựng thể trận khu vực phòng thủ, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội; đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội... bảo đảm môi trường xã hội của đô thị lành mạnh và an toàn.

2. Giải pháp chủ yếu:

2.1. Tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng; nâng cao năng lực quản lý nhà nước; phát huy vai trò của Mặt trận và các hội, đoàn thể trong việc xây dựng và phát triển đô thị.

- Tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng; thể chế hóa, cụ thể hóa

kip thời các chủ trương, các nhiệm vụ trọng tâm cho từng thời kỳ về xây dựng, quản lý và phát triển đô thị. Chú trọng nâng cao năng lực quản lý về đô thị của các cấp chính quyền; tăng cường xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ phẩm chất, trình độ, năng lực để thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước về đô thị.

- Thành lập các ban chỉ đạo về phát triển đô thị; củng cố các bộ phận, cơ quan quản lý nhà nước về đô thị.

- Đề nghị Mặt trận, các hội, đoàn thể tăng cường vận động quần chúng, hưởng ứng thực hiện tốt các chủ trương về xây dựng và phát triển đô thị, chú trọng xây dựng đời sống văn hoá, văn minh đô thị; tạo sự đồng thuận về bồi thường, tái định cư, giải phóng mặt bằng, tạo thuận lợi cho việc cải tạo, chỉnh trang và phát triển kết cấu hạ tầng đô thị.

2.2. Xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách

- Tổng kết, đánh giá để sửa đổi hoặc ban hành các chính sách về bồi thường, tái định cư, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi ngành nghề một cách đồng bộ, nhất quán, bảo đảm đời sống người dân tái định cư cao hơn nơi ở cũ; cơ chế tạo quỹ đất trong khu đô thị, khu dân cư để phục vụ tái định cư, giải quyết cho gia đình chính sách, hộ nghèo; cơ chế bố trí nguồn vốn đáp ứng nhu cầu bồi thường, giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch sau khi quy hoạch chi tiết được phê duyệt.

- Chính sách đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng và phát triển nguồn nhân lực; chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động vùng nông thôn ven đô thị, từng bước chuyển đổi sang các ngành nghề phi nông nghiệp.

- Chính sách ưu đãi, thu hút nhà đầu tư để đầu tư phát triển đô thị.

- Có cơ chế để hình thành doanh nghiệp nhà nước trên cơ sở các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hiện có đủ mạnh để thực hiện công tác bồi thường, tái định cư, giải phóng mặt bằng, đầu tư kết cấu hạ tầng và một số nhiệm vụ khác. Ban hành cơ chế đặc thù cho chính quyền đô thị.

2.3. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển đô thị.

- Tiếp tục khai thác một cách hợp lý, có hiệu quả quỹ đất đô thị; chú trọng phát triển thị trường bất động sản có sự quản lý của Nhà nước. Hình thành và quản lý sử dụng quỹ phát triển đất theo quy định của pháp luật, huy động nguồn lực từ việc sử dụng đất và giá trị quyền sử dụng đất; cơ chế hợp lý để đầu tư kết cấu hạ tầng từ nguồn quỹ đất.

- Đẩy mạnh việc huy động vốn từ các cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp tham gia xây dựng hạ tầng đô thị, xem đây là nguồn lực chủ yếu để đầu tư phát triển đô thị, thực hiện tốt phương châm "Nhà nước, doanh nghiệp và nhân dân cùng làm"; tranh thủ nguồn vốn viện trợ phát triển chính thức (ODA), huy động vốn đầu tư nước ngoài.

- Nghiên cứu kết hợp, lồng ghép đưa các dự án, công trình trọng điểm của địa phương vào các chương trình mục tiêu, dự án chuyên ngành của các Bộ, Ngành, Chính phủ nhằm tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ Trung ương.

- Ưu tiên bố trí vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và có nguồn gốc từ Nhà nước theo tỉ lệ hợp lý; nghiên cứu phát hành trái phiếu địa phương phục vụ phát triển đô thị.

2.4. Đào tạo, bồi dưỡng, đáp ứng đủ nguồn nhân lực cho phát triển đô thị.

- Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý các cấp ngang tầm với yêu cầu quản lý và phát triển đô thị trong tình hình mới. Đội ngũ cán bộ chuyên môn phải được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên ngành và quản lý đô thị, đảm bảo đủ phẩm chất, trình độ, năng lực thực tiễn để thực hiện tốt nhiệm vụ nghiên cứu, tham mưu cho chính quyền đô thị trong quy hoạch, quản lý và phát triển đô thị.

- Dự báo nhu cầu nguồn nhân lực cho phát triển đô thị. Trên cơ sở đó, chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, tuyển dụng nhân lực.

2.5. Giữ vững ổn định chính trị - xã hội

- Phải giữ vững sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy và tổ chức đảng, nâng cao hiệu quả quản lý điều hành của chính quyền, phát huy dân chủ rộng rãi, tạo sự đồng thuận trong xã hội. Bảo đảm sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, mặt trận, các hội, đoàn thể nhân dân trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện mọi nhiệm vụ.

- Tăng cường lãnh đạo toàn diện đối với lực lượng vũ trang; đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; kịp thời giải quyết những mâu thuẫn, bất đồng trong nội bộ nhân dân; xử lý có hiệu quả những vấn đề phức tạp phát sinh, không để xảy ra điểm nóng. Điều chỉnh quy hoạch quốc phòng hợp lý với quy hoạch đô thị, bảo đảm sự vững chắc về quốc phòng, an ninh.

IV. Kinh phí và nguồn vốn thực hiện Đề án

- Tổng kinh phí cần thiết để bồi thường giải phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng, chỉnh trang nâng cấp các đô thị trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2011-2015 khoảng 52.588,385 tỉ đồng - trong đó chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng khoảng 4.850 tỉ đồng, chi phí đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng khoảng 47.738,385 tỉ đồng.

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư trong giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 18.927,595 tỷ đồng (trong đó chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng khoảng 1.500 tỉ đồng; chi phí lập quy hoạch, đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng thiết yếu của đô thị 17.427,595 tỉ đồng), chiếm khoảng 36% tổng vốn đầu tư phát triển đô thị.

- Giai đoạn 2011-2015, kinh phí ngân sách tỉnh phân bổ đầu tư trực tiếp cho các đô thị khoảng 5.860,827 tỉ đồng (bao gồm cả chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng khoảng 1.500 tỉ đồng), được ưu tiên dành cho các công tác: bồi thường giải phóng mặt bằng, lập quy hoạch, và đầu tư các dự án hạ tầng đặc biệt quan trọng, mang tính chiến lược đối với sự phát triển của đô thị. Kinh phí ngân sách được phân bổ theo hình thức lũy tiến tăng dần cho từng năm: năm 2011, ngân sách tỉnh dự kiến bố trí 2-3%, năm 2012 khoảng 14-15%; kinh phí ngân sách được phân bổ tăng mạnh vào các năm 2014-2015. Giai đoạn từ năm 2016-2020, trên cơ sở kế hoạch phát triển đô thị của các địa phương và khả năng của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xác định cụ thể nguồn vốn ngân sách tỉnh phân bổ theo từng năm.

V. Tổ chức thực hiện:

1. Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Đề án phát triển đô thị: trước 30/10/2011.
2. Các địa phương đơn vị lập, trình cấp thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch xây dựng phát triển đô thị, hoàn thành trước 30/11/2011.
3. UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch phát triển đô thị tổng thể, hoàn thành trước 15/12/2011.
4. Định kỳ 6 tháng và 1 năm, các sở, ngành, địa phương báo cáo Ban chỉ đạo về tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch xây dựng phát triển đô thị.

(Chi tiết có Đề án phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020 kèm theo Quyết định này)

Điều 2.**1. Giao Sở Xây dựng:**

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Đề án;
- Trên cơ sở Kế hoạch phát triển đô thị của các địa phương, chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng Kế hoạch phát triển đô thị tổng thể, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để làm cơ sở triển khai thực hiện.
- Hướng dẫn các địa phương có nhu cầu triển khai công tác lập quy hoạch, lập Kế hoạch phát triển đô thị, lập Đề án phân loại đô thị theo đúng quy định hiện hành.
- Tổ chức thẩm định hoặc tham mưu UBND tỉnh trình Bộ Xây dựng thẩm định Đề án phân loại đô thị - trước khi trình các cấp có thẩm quyền xem xét, thông qua và quyết định công nhận loại đô thị.

2. Giao Sở Nội vụ:

- Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức lập Đề án điều chỉnh địa giới hành chính đô thị, đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và định hướng phát triển của các đô thị đã xác định trong Đề án này, trình các cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.
- Tổ chức thẩm định Đề án thành lập thành phố thuộc tỉnh, thị xã, phường, thị trấn, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.
- Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lập hồ sơ thành lập thành phố thuộc tỉnh, thị xã, phường, thị trấn, trình Bộ Nội vụ tổ chức thẩm định trước khi trình Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Kiểm tra, rà soát và tham mưu cho UBND tỉnh phê duyệt hoàn tất Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội tại các huyện, thành phố.
- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh về phương thức, kế hoạch huy động nguồn vốn để thực hiện đề án.

4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Kiểm tra, rà soát và tham mưu cho UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại các địa phương phù hợp với đề án này.

5. Giao Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất, UBND các huyện, thành phố:

- Kiểm tra, rà soát lại tất cả các đồ án quy hoạch đô thị đã thực hiện và đề xuất giải pháp điều chỉnh, bổ sung nếu cần thiết.

- Tổ chức lập quy hoạch đối với tất cả các đô thị mới chưa có quy hoạch; lập và khớp nối quy hoạch chi tiết trung tâm các đô thị đến tỉ lệ 1/500, đặc biệt là các khu chức năng quan trọng của đô thị.

- Trên cơ sở đặc điểm, nhu cầu của địa phương, triển khai lập Kế hoạch phát triển đô thị, dự toán chi tiết kinh phí và nguồn vốn thực hiện, thông qua Sở Xây dựng trình cấp thẩm quyền xem xét quyết định.

- Tổ chức lập hoặc phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức lập đề án phân loại đô thị, trình các cấp có thẩm quyền thông qua, thẩm định và quyết định công nhận loại đô thị - theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về phân loại đô thị;

- Sau khi được cấp có thẩm quyền quyết định công nhận loại đô thị, phải hoạch định thời gian xây dựng đồng bộ; tổ chức xây dựng Đề án và lập hồ sơ thành lập thành phố thuộc tỉnh, thị xã, phường, thị trấn (đối với những đô thị chưa được thành lập), trình các cấp có thẩm quyền thông qua, thẩm định và quyết định thành lập - theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định số 62/2011/NĐ-CP ngày 26/7/2011 của Chính phủ về thành lập thành phố thuộc tỉnh, thị xã, quận, phường, thị trấn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Nội vụ, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất; Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Cao Khoa